

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/KDTM-ST
Ngày: 14-9-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Huệ

Bà Lê Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoan – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/KTST ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc : “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2022/QĐXX-KDTM ngày 27 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 270/2022/QĐHPT ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ trụ sở chính: Số 22 đường N, phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương K, sinh năm 1989. Địa chỉ: Lầu M, số 264E đường L, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền số 2241/UQ-PVB ngày 25/3/2022 (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH đầu tư A

Địa chỉ: Số 965/64A đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt H – Chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương K trình bày:

Ngày 30/01/2019, Công ty TNHH Đầu tư A (gọi tắt là Công ty A) và Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là PVcomBank) đã cùng ký kết Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

STT	Số hợp đồng	Khế ước nhận nợ	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Số tiền cho vay (đồng)
01	042/2019/HĐTD/PVB-CN.GV ngày 30/01/2019	LD1903054150	30/01/2019	29/01/2025	972.000.000
Tổng số tiền đã giải ngân					972.000.000

Thời hạn cho vay: 72 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Nợ gốc: được trả 72 kỳ, 01 tháng/kỳ.

Lãi suất cho vay: từ ngày 30/01/2019 đến 29/01/2020 là 8,99%. Sau đó lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: lãi suất tiền gửi đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 13 tháng, theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng công bố từng thời kỳ cộng (+) biên độ 4,5%/năm.

Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty A đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký. Do đó, PVcomBank đã nhận bàn giao và bán đấu giá tài sản bảo đảm của Công ty A, tuy nhiên vẫn không đảm bảo đủ nghĩa vụ nợ tại PVcomBank.

Tạm tính đến ngày 26/5/2022, dư nợ của Công ty A cụ thể như sau:

Nợ gốc : 308.411.112 đồng

Nợ lãi : 208.819.797 đồng

Tổng nợ: 517.230.909 đồng (Năm trăm mười bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn chín trăm linh chín đồng).

Nay Ngân hàng Buộc Công ty TNHH Đầu tư A thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền: 517,230,909 đồng, bao gồm 308,411,112 đồng nợ gốc và 208,819,797 đồng nợ lãi (tạm tính đến ngày 26/5/2022), yêu cầu trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Công ty TNHH Đ thanh toán phần nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi suất phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 042/2019/HĐTD/PVB-CN.GV ngày 30/01/2019 kể từ ngày 27/5/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập Công ty TNHH Đầu tư A do ông Nguyễn Việt H đại diện theo pháp luật đến Tòa án để lấy lời khai nhưng Công ty TNHH Đầu tư A do ông Nguyễn Việt H đại diện theo pháp luật không đến. Tòa án tiến hành xác minh Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ: Số 965/64A đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh được biết Công ty TNHH Đầu tư A (mã số doanh nghiệp 0314591106) đăng ký lần đầu ngày 24/8/2017, đến nay Công ty TNHH Đầu tư A vẫn chưa giải thể.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty TNHH Đầu tư A do ông Nguyễn Việt H đại diện

theo pháp luật không đến, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty TNHH Đầu tư A do ông Nguyễn Việt H đại diện theo pháp luật hợp lệ theo quy định pháp luật vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ do bà Nguyễn Thị Phương K là đại diện theo ủy quyền vẫn giữ yêu cầu buộc Công ty TNHH Đầu tư A phải trả số tiền 563.379.809 đồng, tính đến ngày 14/9/2022 trong đó:

- Nợ gốc : 308.411.112 đồng.
- Nợ lãi: 254.968.697 đồng.

Ngoài ra Công ty TNHH Đầu tư A phải thanh toán phần nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi suất phạt từ ngày 15/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH Đầu tư A do ông Nguyễn Việt H đại diện theo pháp luật là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được, cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên Tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, án phí sơ thẩm thực hiện theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện Công ty TNHH Đầu tư A có địa chỉ trụ sở tại số 965/64A đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu Công ty A phải trả tiền nợ gốc và nợ lãi còn thiếu cho Ngân hàng, đây là vụ án: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư A do ông Nguyễn Việt H đại diện theo pháp luật đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH Đầu tư A do ông Nguyễn Việt H đại diện theo pháp luật theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng cho vay số 042/2019/HĐTD/PVB-CN.GV ngày 30/01/2019 và khế ước nhận nợ số LD1903054150 ngày 30/01/2019 được ký giữa Ngân hàng TMCP Đ và Công ty TNHH Đầu tư A cho thấy việc giao kết hợp đồng cấp tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ thể hiện Công ty TNHH Đầu tư A có vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 972.000.000 đồng. Bị đơn nhận đủ số tiền vay nhưng không thanh toán hết số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Như vậy, theo nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng cộng nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 14/9/2022 là 563.379.809 đồng trong đó: tiền nợ gốc là 308.411.112 đồng, nợ lãi: 254.968.697 đồng (lãi trong hạn 49.349.089 đồng, lãi trên gốc quá hạn 192.678.621 đồng, lãi chậm trả trên lãi trong hạn 12.940.987 đồng). Ngoài ra, bị đơn còn phải thanh toán phần nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi suất phạt từ ngày 15/9/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này”; theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”; theo điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng: “Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn”. Do vậy, đối

với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất của Hợp đồng cho vay số 042/2019/HĐTD/PVB-CN.GV ngày 30/01/2019 và khế ước nhận nợ số LD1903054150 ngày 30/01/2019 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Công ty TNHH Đầu tư A do ông Nguyễn Việt H đại diện theo pháp luật để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đối chiếu các khoản nợ nhưng Công ty TNHH Đầu tư A do ông Nguyễn Việt H đại diện theo pháp luật đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn cũng không nộp cho Tòa án chứng cứ, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ trên nên xem như bị đơn đã từ bỏ quyền của mình, mặc nhiên thừa nhận còn nợ các khoản vay như nguyên đơn yêu cầu.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, buộc bị đơn Công ty TNHH Đầu tư A do ông Nguyễn Việt H đại diện theo pháp luật phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ tính đến ngày 14/9/2022 là 563.379.809 đồng trong đó: tiền nợ gốc là 308.411.112 đồng, nợ lãi: 254.968.697 đồng (lãi trong hạn 49.349.089 đồng, lãi trên gốc quá hạn 192.678.621 đồng, lãi chậm trả trên lãi trong hạn 12.940.987 đồng); Kể từ ngày 15/9/2022, Công ty TNHH Đầu tư A do ông Nguyễn Việt H đại diện theo pháp luật vẫn phải thanh toán phần nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi suất phạt cho đến ngày Công ty TNHH Đầu tư A thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay số 042/2019/HĐTD/PVB-CN.GV ngày 30/01/2019 và khế ước nhận nợ số LD1903054150 ngày 30/01/2019.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả 12.093.925 đồng, tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 563.379.809 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí là 26.535.192 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 Điều 178, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ khoản 1 Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc Công ty TNHH Đầu tư A phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ tính đến ngày 14/9/2022 là 563.379.809 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm lẻ chín đồng), trong đó:

Tiền nợ gốc là 308.411.112 đồng

Nợ lãi 254.968.697 đồng (lãi trong hạn 49.349.089 đồng, lãi trên gốc quá hạn 192.678.621 đồng, lãi chậm trả trên lãi trong hạn 12.940.987 đồng)

Kể từ ngày 15/9/2022, Công ty TNHH Đầu tư A phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ tiền nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi suất phạt cho đến khi Công ty TNHH Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng vay số 042/2019/HĐTD/PVB-CN.GV ngày 30/01/2019 và khế ước nhận nợ số LD1903054150 ngày 30/01/2019.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Đầu tư A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.535.192 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn một trăm chín mươi hai đồng) đối với khoản nợ mà Công ty TNHH Đầu tư A phải trả là 563.379.809 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm lẻ chín đồng).

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 12.093.925 đồng (Mười hai triệu không trăm chín mươi ba nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0048149 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Trang